

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DSST.

Ngày: 02-02-2023.

V/v: “Kiện tranh chấp HĐ
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển.

2. Ông Trần Hữu Linh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà.

Ngày 02/02/2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 408/2022/TLST-DS, ngày 25/11/2022, về việc “Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST-DS ngày 03/01/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Anh Tr, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 500 Giải Ph, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trung: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978, theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022. Có mặt.

Địa chỉ: Hẻm 310 Hùng V, phường Tân L, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1962, có mặt và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tr là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/01/2020 ông Tr cho ông U, bà T vay số tiền 203.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, thời hạn trả nợ vào ngày 01/6/2020. Đến hạn ông Tr đến đòi nợ nhưng ông U, bà T không chịu trả nợ cho ông Tr. Khi vay ông U, T có thể chấp cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 611446 cấp ngày 22/01/2016. Từ khi vay cho đến hết năm 2022 ông U, bà T đã trả đủ lãi cho ông Tr.

Nay ông Tr yêu cầu ông U, bà T trả cho ông Tr số tiền nợ 203.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra, ông Tr không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông U là bị đơn trình bày:

Ông U thừa nhận ngày 01/01/2020 có ký giấy vay ông Tr số tiền 203.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 01/6/2020, khi vay ông U có thể chấp cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 611446 cấp ngày 22/01/2016. Từ khi vay đến hết năm 2022 ông U đã trả đủ lãi suất cho ông Tr. Nay ông Tr khởi kiện, ông U chấp nhận trả số tiền nợ 203.000.000 đồng cho ông Tr, nhưng hiện ông U chưa có khả năng trả nợ ngay cho ông Tr, ông U xin trả nợ này trong vòng 02 năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T vợ ông U trình bày:

Việc ông U chồng bà T ký giấy vay mượn tiền của ông Tr, bà T không biết và bà T cũng không ký vào bất cứ giấy tờ gì liên quan đến nợ này. Nay ông Tr khởi kiện thì ông U phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Tr, không liên quan gì đến bà T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thể hiện tại phiên tòa việc ông Tr khởi kiện yêu cầu ông U, bà T trả cho ông Tr 203.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Lê Anh Tr khởi kiện ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về tranh chấp HĐ vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông U thừa nhận ngày 01/01/2020 ký giấy vay ông Tr số tiền 203.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 01/6/2020, khi vay ông U có thể thế chấp cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 611446 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 22/01/2016, từ khi vay đến hết năm 2022 ông U đã trả đủ lãi suất cho ông Tr. Do điều kiện, kinh tế gặp khó khăn nên ông U chưa có tiền trả nợ cho ông Tr. Nay ông U không có khả năng trả nợ một lần, ông U xin trả nợ này trong vòng 02 năm, nhưng ông Tr không đồng ý.

2.1. Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 01/01/2020 do ông Tr cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án ông U cũng đã thừa nhận có ký giấy xác nhận nợ ông Tr số tiền 203.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông Tr. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, ngày 01/01/2020 ông Tr cho ông U vay số tiền 203.000.000 đồng, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông U không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2. Khi thực hiện giao dịch vay tài sản, ông U có thể chấp cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 611446 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 22/01/2016 cho ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật, nên việc thế chấp này không có giá trị pháp lý. Vì vậy, cần buộc ông Tr trả lại giấy tờ nói trên cho ông U, bà T.

2.3. Đối với bà Nguyễn Thị T là vợ ông U: Khi ông U giao dịch và nợ ông Tr số tiền 203.000.000 đồng, tuy bà T không ký vào giấy vay tiền, nhưng theo lời khai của ông U thì bà T vẫn biết ông U nợ ông Tr số tiền này và số tiền này ông U sử dụng vào việc làm ăn kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình (theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một hoặc hai người thực hiện), nên cần buộc bà T liên đới cùng ông U trả nợ cho ông Tr.

[3]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr và ông U thừa nhận đã trả lãi đến hết tháng 12/2022, nên yêu cầu tính lãi suất của ông Tr từ ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nên lãi suất được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2023) cho đến khi thi hành án xong.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Tr được chấp nhận, nên ông U, bà T phải chịu tiền án phí DSST. Ông U là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Trả lại cho ông Tr tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Tr.

Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Anh Tr 203.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Lê Anh Tr có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 611446 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 22/01/2016 cho ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Lê Anh Tr 5.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0010963 ngày 25/11/2022.

Bà T phải chịu $[(203.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 10.150.000 \text{ đồng} : 2] = 5.075.000$ đồng

Ông Nguyễn Văn U là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ